

Bản án số: 01/2021/HS-PT
Ngày 18-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa.

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Nông Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2020/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn T** (tên gọi khác: C), sinh ngày 15 tháng 11 năm 1991 tại xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Nà R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T1, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Triệu Thị T2, sinh năm 1966; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22-7-2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Văn Th**, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1989 tại xã K2, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm P, xã K2, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Ngọc C, sinh năm 1955 và bà Nông Thị L, sinh năm 1956; có vợ là An Thị L2, sinh năm 1989 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22-7-2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Họ và tên: **Đàm Văn Th2**, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1984 tại xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn T3, sinh năm 1950 và bà Ngân Thị T4, sinh năm 1952; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22-7-2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

4. Họ và tên: **Chu Văn Y**, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2000 tại xã K2, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T5, sinh năm 1976 và bà Chu Thị T6, sinh năm 1977; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01-8-2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

5. Họ và tên: **Dương Văn R**, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1992 tại xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C2, sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị C3, sinh năm 1971; có vợ là Chu Thị C4, sinh năm 1998 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-8-2019 đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn Y và Dương Văn R: Ông Nguyễn Đình, luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Đình - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Bà Hà Thị Bào, luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Đình - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước với Dương Văn R trú tại tổ 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng nên buổi trưa ngày 04-7-2019 Nông Văn T, sinh năm 1991, trú tại xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng nhờ Nông Văn Th, sinh năm 1989, trú tại xóm P, xã K2, huyện K, tỉnh Cao Bằng và Lục Văn S, sinh năm 1990, trú cùng xóm với T giúp T giải quyết mâu thuẫn với Dương Văn R. Th gọi điện thoại cho R đặt mua 04 kg nho và yêu cầu R giao cho Th tại lán nuôi vịt của Th ở xóm P. Khoảng 18 giờ cùng ngày, R cùng vợ là Chu Thị C4 mang nho đến lán nuôi vịt của Th. Khi đến nơi, Th ra lấy nho, trả tiền và bảo R vào lán nói chuyện việc mâu thuẫn giữa R và T nhưng R không vào, Lục Văn S đi từ trong lán ra đâm vào mặt R, R nhặt một hòn đá ném về phía S nhưng không trúng. Sau đó hai vợ chồng R đi xe máy về nhà. Lúc này Th cầm dao, S cầm gậy gỗ cùng với Nguyễn Văn S2 sinh năm 1997, trú tại xóm P2, xã K2, huyện K; Lương Tiến S3 sinh năm 1993, trú tại xóm P3, xã Đ, huyện K đuổi theo đến tận nhà R, gọi R ra khỏi nhà để đánh R. R cầm dao ra đuổi, hàng xóm của R ra can ngăn và đuổi về thì nhóm của Th mới bỏ về. Khi về đến lán, S, Th gọi điện thoại thông báo lại diễn biến vụ việc cho T biết.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05 tháng 7 năm 2019, sau khi đến thị trấn K uống thuốc Methadone xong, T gặp Đàm Văn Th2 sinh năm 1984, Hoàng Văn S5 sinh năm 1979, cùng trú tại xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng cũng đi uống thuốc Methadone, T rủ Th2, S5 đến quán V ở ngã ba P4, xã Đ uống nước. Sau đó, T đi xe ô tô biển kiểm soát 11A-018.61 đến lán nuôi vịt của Th đón S, Th2, S3 và 02 người bạn của Th là Nông Văn A sinh năm 1987, trú tại xóm K1, xã K2, huyện K và Lương Văn G sinh năm 1991, trú tại xóm N8, xã K2, huyện K cùng nhau đến quán V. Khi đến chợ thị trấn K thì gặp Trương Văn S6 sinh năm 1988, Nông Công S7 sinh năm 1987, Nông Công S8 sinh năm 1992, đều trú tại xóm P5, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng, T rủ S6, S7, S8 xuống quán V uống nước. Tại quán lúc đầu có T, S, Th2, S3, A và G, trong lúc uống nước S nói chuyện hôm qua đánh R và đuổi R đến tận nhà, chuyện này R sẽ không bỏ qua. Một lúc sau, Th cùng Hoàng Văn Ng sinh năm 1990, Hứa Văn N9 sinh năm 1994, cùng trú tại xóm Ch, xã Đ, huyện K đến quán. Sợ nhóm của R có đông người nên T gọi điện thoại cho Bế Nguyên Th8 sinh năm 1993, trú tại xóm Đ, xã Đ1, huyện K, Ngân Bá S10 sinh năm 1986, trú tại xóm K6, xã Đ, huyện K, Ngân Bá O sinh năm 1993, trú tại xóm R, xã Đ, huyện K với mục đích ra quán giúp T giải quyết mâu thuẫn với R. S gọi điện thoại cho Nông Văn S11 sinh năm 1993, trú tại xóm Đ, xã Đ1, huyện K, Th gọi cho S2; G gọi cho Hoàng Văn T6, sinh năm 1989, trú tại xóm S, xã K2, huyện K đến quán. Một lúc sau những người được gọi lần lượt đến quán nước. Trước khi đi đón mọi người, Nông Văn T chuẩn bị 01 dao dài 62cm, 02 gậy gỗ cuộn trong chiếc áo và 01 gậy rút bằng sắt, S mang theo 01 dùi cui điện của Th, Th8 mang theo 01 gậy rút bằng sắt.

Tại quán V, T nói cho mọi người biết trước đó bị R đánh nên nhờ anh em lên giúp giải quyết mâu thuẫn, T ra xe ô tô lấy 01 con dao dài 62cm, cán bằng gỗ và 02 gậy gỗ được cuộn trong một chiếc áo mang vào trong quán để cạnh bàn

uống nước. T bảo Th hẹn R ra ngã tư V3, thị trấn K, huyện K nói chuyện. Do biết có thể bị đánh nên R không đến gặp. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục gọi điện thoại cho R đến quán V nhưng R không đến và nói “tao không xuống, nếu mày thích cứ lên nhà tao như hôm qua đi”. T bảo với cả nhóm “nó không ra đâu, lên nhà nó đi”. Cả nhóm đứng dậy ra ngoài cửa quán, chia nhau cầm theo hung khí đến nhà R. S cầm 01 con dao và 02 gậy gỗ do T đã chuẩn bị từ trước ra đưa 01 gậy gỗ cho Trương Văn S6, đưa 01 gậy gỗ cho 01 thanh niên (không xác định được họ tên, địa chỉ). S trực tiếp cầm 01 con dao dài 62cm. T mang theo 01 gậy rút bằng sắt, Th mang theo 01 dùi cui điện, Th8 mang theo 01 gậy rút, S2 đưa cho S01 túi gạch, O cầm 01 gậy sắt dắt vào khung xe máy của O. Trước khi đến nhà R, những người ngồi tại quán đều biết nhóm của T sẽ đi đánh nhau.

Trước khi nhóm của T rời quán, S10 và Th2 đến chợ K ăn trưa. Khi nhóm của T rời khỏi quán, S3, S5, A, G, Hoàng Văn T6 sợ bị đánh nên không đi. Những người đi theo nhóm T gồm Ngân Bá O chở T bằng xe của O, S2 chở S bằng xe của S2, S7 chở S6, S8 bằng xe của S7, Th đi theo xe một người không biết tên. Cả nhóm đi được nửa đường thì O sợ bị đánh nên không đi nữa và cho T mượn xe đi đánh nhau, đi thêm một đoạn nữa thì T bảo Th8 sang đi cùng xe với T. Trên đường đi gặp S10 chở Th2 đi ăn trưa về, T bảo hai người đi cùng nên S10, Th2 liền quay xe đi theo nhóm T.

Về phía nhóm của R và Chu Văn Y: Thời điểm T và Th gọi điện cho R thì R và Y đang chơi game tại nhà của bố vợ R. Nghe điện thoại xong R nói cho Y biết nhóm của T, Th đang chuẩn bị lên nhà đánh nhau. Ngay sau đó, R và Y vào buồng ngủ lấy mỗi người 01 con dao sắc rồi ra phòng cắt tóc trước nhà nhìn qua cửa kính để quan sát đội nhóm T đến.

Khi nhìn thấy T đi xe máy qua trước cửa nhà, R và Y cầm dao lao ra ngoài cửa, R nhặt một hòn đá ném về phía T nhưng không trúng T mà trúng vào thùng xe tải đỗ trên đường. T dừng xe, R lao vào tấn công T, T cầm gậy sắt trước đó O đặt ở khung xe ném trúng vào ngực R. Lúc này xe bị đổ, Y cầm dao lao vào chém trúng lưng và tay phải của T làm T ngã ngựa xuống đường, R cầm dao chém liên tiếp vào đùi, chân của T. Lúc này S2 dừng xe, S cầm dao nhảy xuống chém một phát vào đầu của R, Th8 cầm gậy rút lao vào thì bị Y chém trúng mu bàn tay phải. Thấy nhóm của T kéo đến đông, R ôm đầu chạy vào nhà, Y cùng chạy theo. Đàm Văn Th2 cầm đá ném Y nhưng không trúng, Y quay lại chém 01 phát vào lưng của Th2 và chạy vào nhà đóng cửa lại. Nhóm của T vẫn tiếp tục cầm đá và gậy ném vào sân nhà R. Thấy vậy, Y mở cửa cầm một hòn gạch ném về phía nhóm của T thì trúng vào đầu Th2, Th mang theo dùi cui điện chưa kịp sử dụng thì thấy T bị thương nên gọi mọi người đưa T đi bệnh viện cấp cứu. Sau đó, người dân xung quanh hô hoán nên cả nhóm giải tán, những người bị thương gồm: Dương Văn R, Nông Văn T, Bế Nguyên Th8, Đàm Văn Th2 bị thương chảy nhiều máu và được đưa đến bệnh viện để cứu cấp, điều trị.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Cao Bằng đã quyết định trưng cầu giám định thương tích những người bị thương, Kết quả cụ thể như sau:

Đối với Dương Văn R: Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 086/19/TgT ngày 08-8-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận: *“Dấu hiệu chính qua giám định: Vết sẹo vùng trán đỉnh phải kích thước lớn: 10%; Mổ mở xương, vỡ xương hộp sọ vùng trán đỉnh phải: 25%; Ổ tổn thương não Th2 trán phải sau điều trị chấn thương tụ máu ngoài màng cứng, tụ máu não không có di chứng chức năng hệ thần kinh: 36%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 56%”*.

Đối với Nông Văn T: Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 087/19/TgT ngày 09-8-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận: *“Dấu hiệu chính qua giám định: 06 vết sẹo vùng lưng, đùi phải, cẳng chân trái, bàn chân trái kích thước lớn: 15%; Vỡ thân xương chày trái, xương thẳng trục: 11%; Cụt đầu ngoài đốt 3 ngón 2 chân trái: 01%; Cụt ngón 4, 5 chân trái từ 1/3 ngoài đốt bàn ngón 4, 5: 15%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 38%”*.

Đối với Bé Nguyễn Th8: Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 088/19/TgT ngày 09-8-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận: *“Vết sẹo mu bàn tay phải sau điều trị chấn thương đứt gân duỗi ngón 2, gây đốt bàn ngón 2 bàn tay phải ảnh hưởng đến chức năng gấp duỗi ngón 2 tay phải: 18%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 18%”*.

Đối với Đàm Văn Th2: Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 090/19/TgT ngày 16-8-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận: *“Dấu hiệu chính qua giám định: 02 vết sẹo phần mềm vùng đầu và lưng, kích thước trung bình: 05%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 05%”*.

Ngày 25-10-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành thực nghiệm điều tra. Kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của các bị cáo và xác định Lục Văn S được dùng dao chém vào đầu Dương Văn R.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều tích cực tác động gia đình của mình tự nguyện nộp tiền vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, cụ thể: Chu Văn Y nộp 4.000.000 đồng và chủ động xuống thăm hỏi bồi thường cho Đàm Văn Th2 1.000.000 đồng; Bé Nguyễn Th8 nộp 2.000.000 đồng; Dương Văn R nộp 4.000.000 đồng; Nông Văn T nộp 2.000.000 đồng; Lục Văn S nộp 2.000.000 đồng; Nông Văn Th nộp 2.000.000 đồng; Bé Nguyễn Th8 nộp 2.000.000 đồng; Đàm Văn Th2, Ngân Bá O và Nguyễn Văn S2 mỗi bị cáo nộp 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo, bị hại cũng đồng thời là bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho nhau theo số tiền đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K và không yêu cầu bồi thường thêm. Bị cáo Dương Văn R có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lục Văn S và Nông Văn T; Bị cáo Nông Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chu Văn Y và Dương Văn R; Các bị cáo Đàm Văn Th2 và Bé Nguyễn Th8 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Chu Văn Y.

Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nông Văn T:

Sáng ngày 05-7-2019, Nông Văn T mua với bà Pì, tên thật là Phùng Thị P1, sinh năm 1956, trú tại xóm P3, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng 2.000.000 đồng được 01 cục Heroine (bà Phùng Thị P1 đã bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy trong một vụ án khác). Sau khi mua được ma túy, T chia ra một gói nhỏ và sử dụng trên xe ô tô của T, phần còn lại T gói lại bằng giấy vệ sinh màu trắng và cất vào trong ví da màu đen của T.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra phát hiện ngoài sân nhà ông Chu Văn R1 (bố vợ Dương Văn R) có 01 xe máy YAMAHA biển kiểm soát 36K5-000.05, chìa khóa cắm tại ổ khóa. Tiến hành kiểm tra cốp xe có 02 điện thoại, 01 sạc dự phòng, 01 đôi găng tay, 01 dao bấm và 01 ví da màu đen. Kiểm tra ví da có 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Nông Văn T, 551.000 đồng và 01 cục chất bột màu trắng nghi là ma túy (Heroine). Cơ quan điều tra đã tiến hành cân cục chất bột màu trắng có khối lượng 3,22 gam và lấy mẫu trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số: 224/GĐMT ngày 18-8-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong gửi giám định là Ma túy, Loại: Heroine*”. Quá trình điều tra, ban đầu T không thừa nhận số ma túy thu được trong ví da là của mình. Tuy nhiên, sau khi phục hồi vụ án điều tra bổ sung, T khai nhận số Heroine trên là của T mua với bà P, tên thật là Phùng Thị P1, sinh năm 1956, trú tại xóm P3, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng vào sáng ngày 05-7-2019 với số tiền 2.000.000 đồng. Trên đường đến nhà R để đánh nhau, T dừng xe, cất ví, điện thoại và dao bấm vào trong cốp xe máy của Ngân Bá O.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2020/HS-ST ngày 30-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Các bị cáo Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y và Dương Văn R phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 22-7-2020.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn Th 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 22-7-2020.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đàm Văn Th2 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 22-7-2020.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Chu Văn Y 05 (năm) năm 06

(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 01-8-2019.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Dương Văn R 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 09-11-2020, bị cáo Dương Văn R, Chu Văn Y, Đàm Văn Th2 kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 12-01-2021, Dương Văn R thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 12-11-2020, bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th kháng cáo xin giảm hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, bị cáo Dương Văn R xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo, đồng thời các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, do vậy kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ.

Các bị cáo đều còn trẻ, nhận thức pháp luật hạn chế, sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, có căn cứ giảm một phần hình phạt về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo Th ban đầu quanh co, sau đó thành khẩn khai báo, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và được áp dụng Điều 54 xử dưới khung với mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ân hận về hành vi của mình, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Y thành khẩn khai báo, quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã khắc phục hậu quả, có đơn xin giảm nhẹ của bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ân hận về hành vi của mình, có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Bị cáo Th2, bản án sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không có căn cứ giảm nhẹ.

Bị cáo R bị thương tích 56%, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có con nhỏ, có 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo thành khẩn khai báo, ân hận về hành vi của mình, có căn cứ giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của T, Th, Y.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn T 05 (năm) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, 02 (hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn Th 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Chu Văn Y 05 (năm) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th2.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo R.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Dương Văn R 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm).

Luật sư Hà Thị Bào bào chữa cho Nông Văn T: Trước khi xảy ra vụ án, giữa T và R đã xảy ra mâu thuẫn, do T thường xuyên đến thị trấn K uống thuốc Methadone nên lo sợ bị R, Y đánh, do vậy T nhờ bạn bè giúp giải quyết mâu thuẫn. T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị. Bị cáo Nông Văn T không bào chữa bổ sung, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị giảm hình phạt.

Các bị cáo Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y trình bày lời bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Kiểm sát viên đối đáp: Xét thấy bị cáo Th chưa thật sự ăn năn, không đề nghị giảm nhẹ đối với Th.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Bị cáo Dương Văn R trình bày lời bào chữa và trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y, Dương Văn R hoàn R phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Do có mâu thuẫn từ trước với Dương Văn R, khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05-7-2019, Nông Văn T bảo Nông Văn Th gọi điện thoại hẹn R ra ngã tư V3, thị trấn K nói chuyện, biết có thể bị đánh nên R không đến gặp, T tiếp tục gọi cho R đến quán V nhưng R vẫn không đến. Nông Văn T đã cùng Nông Văn Th, Đàm Văn Th2 và nhiều người khác được T, Th gọi đến giúp T giải quyết mâu thuẫn với R mang theo hung khí đến nhà của R nhằm mục đích đánh nhau với R. Khi T đi xe máy qua trước cửa nhà R, R và Y cầm dao lao ra ngoài cửa, R nhặt một hòn đá ném về phía T nhưng không trúng. T dừng xe, R lao vào tấn công T, T cầm gậy sắt ném trúng vào ngực R. Y cầm dao lao vào chém trúng lưng và tay phải của T, R cầm dao chém liên tiếp vào đùi, chân của T. Khi S7 Văn S2 dừng xe, S cầm dao nhảy xuống chém một phát vào đầu của R, Th8 cầm gậy rút lao vào thì bị Y chém trúng mu bàn tay phải. Thấy nhóm của T kéo đến đông, R ôm đầu chạy vào nhà, Y chạy theo. Đàm Văn Th2 cầm đá ném Y nhưng không trúng, Y quay lại chém 01 phát vào lưng của Th2 và chạy vào nhà đóng cửa lại. Nhóm của T vẫn tiếp tục cầm đá và gậy ném vào sân nhà R. Y mở cửa cầm một hòn gạch ném về phía nhóm của T thì trúng vào đầu Th2, Th thấy T bị thương nên gọi mọi người đưa T đi bệnh viện cấp cứu. Sau đó, người dân xung quanh hô hoán nên cả nhóm giải tán, những người bị thương gồm: Dương Văn R, Nông Văn T, Bế Nguyên Th8, Đàm Văn Th2 bị thương chảy nhiều máu và được đưa đến bệnh viện để cứu cấp, điều trị. Kết quả giám định thương tích của Trung tâm Pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận: Dương Văn R bị tổn thương cơ thể 56%; Nông Văn T bị tổn thương cơ thể 38%; Bế Nguyên Th8 bị tổn thương cơ thể 18%; Đàm Văn Th2 bị tổn S8 cơ thể 05%.

Sáng ngày 05-7-2019, Nông Văn T mua với Phùng Thị P1 2.000.000 đồng được 01 gói Heroine, T chia ra 01 gói nhỏ để sử dụng trên xe ô tô của T, phần còn lại T gói lại và cất vào trong ví da. Trên đường đến nhà R đánh nhau, T cất ví, điện thoại, dao bấm vào cốp xe máy của O. Khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ được 01 cục Heroine có khối lượng 3,22 gam trong cốp xe máy YAMAHA biển kiểm soát 36K5-000.05 của O.

Với các hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nông Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134, 02 (hai) năm tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Chu Văn Y 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; Nông Văn Th 04 (bốn) năm 06 tháng tù; Dương Văn R 04 (bốn) năm tù; Đàm Văn Th2 30 tháng tù cùng về tội “Cố ý gây thương tích”

theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y và kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo của Dương Văn R.

Đối với bị cáo Nông Văn T: Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Số lượng ma túy thu giữ là 3,22 gam Heroine, mức hình phạt 24 tháng tù là phù hợp nên không có căn cứ giảm hình phạt đối với tội này. Về tội “Cố ý gây thương tích” bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có lỗi quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt đối với tội này.

Đối với bị cáo Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và đều được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có lỗi quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Dương Văn R: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại cũng có lỗi quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo R bị thương tích nặng, vỡ xương hộp sọ, tổn thương não, sau điều trị vẫn thường xuyên bị đau đầu, ảnh hưởng đến sức khỏe cần được tiếp tục điều trị thêm. Xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và không Th một trong các trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y, Dương Văn R được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 đối với các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 đối với bị cáo Dương Văn R.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2020/HS-ST ngày 30-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn T05 (năm) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, 02 (hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 22-7-2020.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn Th 04 (bốn) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 22-7-2020.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đàm Văn Th2 02 (hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 22-7-2020.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Chu Văn Y 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 01-8-2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Dương Văn R 03 (ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 18-01-2021. Giao bị cáo Dương Văn R cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn Th, Đàm Văn Th2, Chu Văn Y, Dương Văn R không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- CC THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- UBKTUB huyện K;
- UBND thị trấn K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân

